

Bản án số: 881/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2018.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lương Anh Tuấn .

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên- Kiểm sát viên.

- Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ : 27 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn”, thụ lý số: 247/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2018/HPT-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ông Lợi Câu P, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lợi Câu P và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P trình bày:

Ông P và bà X đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng giữa năm 2015, do vợ chồng tính tình, cách sống không hợp nhau. Nhưng từ đó đến nay bà X không sửa đổi tính tình, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vì vậy ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 01 con là Lợi Đình C, sinh /2004. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ, do vậy nếu ly hôn ông P đồng ý giao con cho bà X nuôi. Ông P tự

nguyên cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2018 đến khi con thành niên.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong tờ trình bày nguyện vọng của trẻ C thì nếu cha mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa triệu tập bà X đến Tòa để hòa giải nhiều lần, nhưng bà X không tới Tòa hòa giải. Vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn: Ông Lợi Câu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ông Lợi Câu P nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Kim X là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Thị Kim X cư ngụ tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Trần Thị Kim X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Lợi Câu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Ông P, bà X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông P với bà X là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo ông P trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng giữa năm 2015, do vợ chồng tính tình, cách sống không hợp nhau. Nhưng từ đó đến nay bà X không sửa đổi tính tình, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ

chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vì vậy ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Ủy ban nhân dân Phường 13 Quận 10 không xác minh được vợ chồng ông P bà X có mâu thuẫn gì hay không.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập nhiều lần cho bà X đến Tòa, tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng bà X không đến tòa. Thể hiện bà X không còn muốn cùng ông P xây dựng hạnh phúc lâu dài. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông P với bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của ông P xin ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 01 con là Lợi Đình C, sinh /2004. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ, do vậy nếu ly hôn ông P đồng ý giao con cho bà X nuôi. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2018 đến khi con thành niên. Trong tờ trình bày nguyện vọng của trẻ C thì nếu cha mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ. Ý kiến này của ông P phù hợp với nguyện vọng của con, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2018 đến khi con thành niên. Mức cấp dưỡng nuôi con này là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Lợi Câu P được ly hôn với bà Trần Thị Kim X.

- Về con chung: Giao cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lợi Đình C, sinh /2004. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2018 đến khi con thành niên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa trả và thời gian chưa thi hành án.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Về án phí: Ông Lợi Câu P chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0040703 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lợi Câu P chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P13 Q10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Tuấn